

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2021/HS-ST

Ngày 20 – 12 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hồng T và ông Trần Mạnh H.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Vọng và ông Nguyễn Văn Hoài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 169/2021/TLST - HS ngày 09 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thành H**; sinh ngày: 22/5/1984, tại huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội; nơi ĐKKHTT: Đội 18, thôn V, xã Hợp T, huyện Mỹ Đ, thành phố Hà Nội; Chỗ ở hiện nay: Tổ 9, khu Trần Hưng Đ, phường Cẩm T, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Nhân viên Công ty TNHH Phương Thảo; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức H và bà Nguyễn Thị C; có vợ là Lê Thúy H; có 03 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án; tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 01/3/2021; hiện tại ngoại tại nơi cư trú; có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Thị T**; sinh ngày: 28/02/1983, tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; nơi ĐKKHTT: Tổ 3, khu 8B, phường Quang H, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; Chỗ ở hiện nay: Tổ 7, khu 5, phường Hà T, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị G; có chồng là Nguyễn Văn S; có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2005; tiền án; tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 01/3/2021; hiện tại ngoại tại nơi cư trú; có mặt.

3. Họ và tên: **Cao Xuân M**; sinh ngày: 30/10/1971, tại huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: Tổ 4, khu Tân L, phường Cẩm T, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc:

Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Xuân K (đã chết) và bà Vũ Thị T; có vợ là Phạm Thị Hồng V, có 03 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 25/7/1995, bị Tòa án nhân dân Tối Cao xử phạt 05 năm tù, về tội “Vi phạm các quy định về an toàn giao thông vận tải”, chấp hành xong Bản án ngày 06/5/2003; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 01/3/2021; hiện tại ngoại tại nơi cư trú; có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo:**

- Ông Bùi Đình Ú; sinh năm 1964 và ông Bùi Tuấn A; sinh năm: 1992; cùng địa chỉ: Số 29, ngõ 298, đường Ngọc L, phường Ngọc L, quận Long B, thành phố Hà Nội - Luật sư của Văn phòng Luật sư Bùi Đình Ú thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T; đều vắng mặt.

*** Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:**

- **Công ty cổ phần C**; địa chỉ trụ sở: Số 486, đường Trần P, phường Cẩm T, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Tăng Bá K; sinh năm: 1970 – Chức vụ: Phó giám đốc; vắng mặt.

- **Công ty TNHH Thương Mại L**; địa chỉ trụ sở: Số 834, đường Trần P, tổ 1, khu Bạch Đ, phường Cẩm T, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh B; sinh năm: 1958 – Chức vụ: Giám đốc; vắng mặt.

- **Công ty TNHH Phương T**; địa chỉ trụ sở: Tổ 9, khu Trần Hưng Đ, phường Cẩm T, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Tiến G; sinh năm: 1974 – Chức vụ: Phó giám đốc; vắng mặt.

- **Công ty TNHH một thành viên M**; địa chỉ: số 799, km4, phường Cẩm T, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Người đại diện theo pháp luật: bà Triệu Thị N, chức vụ: Giám đốc; vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

- Ông Nguyễn Hữu H; sinh năm: 1987; địa chỉ: Tổ 3, khu Tân L, phường Cẩm T, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Ông Trương Văn T; sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ 9, khu Trần Hưng Đ, phường Cẩm T, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

- Ông Hoàng Văn H; sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ 9, khu Trần Hưng Đ, phường Cẩm T, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

- Ông Nông Văn H; sinh năm 1994; nơi cư trú: Tổ 9, khu Trần Hưng Đ, phường Cẩm T, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Mạnh H; sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ 9, khu Trần Hưng Đ, phường Cẩm T, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

- Ông Hoàng Đình V; sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ 9, khu Trần Hưng Đ, phường Cẩm T, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn B; sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ 4, khu 1A, phường Quang H, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn N; sinh năm 1970; nơi cư trú: Tổ 4, khu 1A, phường Quang H, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
- Ông Phạm Thế B; sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ 4, khu 1A, phường Quang H, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty cổ phần C, địa chỉ số 486, đường Trần P, phường Cẩm T, thành phố Cẩm Phả (đại diện là ông Phạm Minh T – chức vụ: giám đốc) đăng ký doanh nghiệp hoạt động nhiều lĩnh vực, trong đó có ngành nghề đúc sắt, thép và kim loại màu. Quá trình hoạt động, Công ty C phát sinh nhiều chất thải, trong đó có chất thải công nghiệp thông thường là đất, cát, gạch, xỉ phát sinh trong quá trình sản xuất làm khuôn đúc. Hằng năm Công ty C đều phải thuê các công ty khác để xử lý chất thải này. Nguyễn Thị T thông qua quan hệ xã hội, biết được nhu cầu của Công ty C nên đã chủ động liên hệ với các bộ phận liên quan của Công ty C nhằm thực hiện việc xử lý chất thải cho Công ty C. Do không có tư cách pháp nhân nên T đã nhờ ông Nguyễn Thanh B, là giám đốc Công ty TNHH thương mại L; địa chỉ tổ 46, phường Cẩm T, thành phố Cẩm Phả (viết tắt là Công ty L, công ty này chỉ có một mình ông B làm việc, kế toán thuê theo vụ việc khi phát sinh) ký kết hợp đồng với Công ty C để thực hiện việc vận chuyển, xử lý chất thải thì được ông B đồng ý.

Thông qua sự môi giới của T, ngày 06/4/2020, Công ty C đã ký Hợp đồng kinh tế số 912/HĐ-VMC/2020 (Viết tắt là Hợp đồng 912) thuê Công ty L bốc xúc, vận chuyển, xử lý đất đá, cát với khối lượng tạm tính là 800m³, đơn giá 60.000 đồng/m³. Trách nhiệm của Bên B (Công ty L) là “*Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình vận chuyển, bốc xúc, xử lý đất đá, cát từ Bên A. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật, địa phương về vệ sinh môi trường, bảo vệ môi trường*”. Về chất thải rắn là đất đá, cát phát sinh trong hoạt động sản xuất của Công ty C, được tập kết cùng vào kho chứa riêng trong khuôn viên của Công ty. Ngoài ra, Công ty C còn tiến hành sửa chữa, tháo dỡ nhà xưởng và phát sinh chất thải xây dựng lên đã tập kết cùng kho chứa trên. Sau đó, T đã gặp Cao Xuân M thỏa thuận miệng với nội dung để M thực hiện hợp đồng trên với đơn giá 40.000 đồng/m³, Thoa được hưởng chênh lệch 20.000 đồng/m³.

Tiếp đó, M liên lạc với Nguyễn Thành H là quản lý đội xe, máy móc của Công ty TNHH Phương T; địa chỉ tổ 9, khu Trần Hưng Đ, phường Cẩm T, thành phố Cẩm Phả (viết tắt là Công ty Phương T). M thỏa thuận miệng với H thực hiện Hợp đồng với đơn giá 35.000 đồng/m³, H có trách nhiệm tự tìm nơi đổ chất thải. Mặc dù biết rõ Công ty Phương T không có năng lực cũng như kho bãi để xử lý chất thải này và H không báo cáo lãnh đạo Công ty nhưng H vẫn đồng ý thực hiện thỏa thuận trên với M.

Sáng ngày 20/7/2020, anh Trần Quốc T (Phó phòng C Công ty C – đơn vị được Công ty giao thực hiện Hợp đồng 912) đã thông báo cho T biết kho chất thải

đầy, cần chuyển giao. T thông báo cho M để thực hiện công việc. M báo lại cho H để H cung cấp biển số xe ô tô tải và máy xúc để làm thủ tục đăng ký qua trạm bảo vệ của Công ty C. Sau khi nhận được thông tin biển số xe ô tô và máy xúc từ M, T soạn thảo công văn đề nghị đăng ký phương tiện ra vào chở chất thải, bao gồm 24 phương tiện và nhờ ông Nguyễn Thanh B ký để gửi Công ty C. Đăng ký xong T gọi điện cho M báo chuyển tải vào sáng hôm sau. Sáng ngày 21/7/2020, T đến Trạm bảo vệ số 2 Công ty C gặp anh Nguyễn Hữu H là nhân viên bảo vệ để làm thủ tục cho phương tiện khi qua Trạm bảo vệ số 2 để thực hiện Hợp đồng 912.

Sáng ngày 21/7/2020, sau khi nhận thông tin từ M, H không báo cáo lãnh đạo Công ty mà đã tự ý điều động 01 máy xúc nhãn hiệu Doosan 210 do anh Hoàng Đình V điều khiển và 04 xe tải ben biển số 14C-061.49, 14C-094.51, 14C-014.26 và 14C-110.75 của Công ty Phương T (trong số này, xe 14C-110.75 không có trong Công văn T đăng ký), do các công nhân Trương Văn T, Hoàng Văn H, Nông Văn H và Nguyễn Mạnh H điều khiển đến cổng Công ty VMC để M dẫn vào kho chứa chất thải. Đồng thời qua tự tìm hiểu, H biết khu vực cụm Cảng Km6 có nhiều mặt bằng trống, trong đó có mặt bằng thuộc quyền quản lý của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bảo Nguyên; Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ 126 và bãi của anh Phạm Thế B đều thuộc tổ 4, khu 1A, phường Quang Hanh, thành phố Cẩm Phả (khu vực này đang quy hoạch khu du lịch, dịch vụ đô thị ven biển; không cấp phép hoạt động thu gom, tập kết, xử lý chất thải). H đã chỉ đạo các lái xe đổ chất thải trái phép tại khu vực trên. Sau đó, tại kho chứa, anh V điều khiển máy xúc, xúc chất thải lần lượt lên các xe ô tô để các anh T, H, H, H chở đến nơi H chỉ định đổ và đã đổ được 14 chuyến xe chất thải, trong số 14 chuyến nêu trên, có 01 chuyến M bảo anh H đổ riêng 1 chỗ bên cạnh để sau này M đến nhặt tận dụng mẫu phế liệu còn sót trong xe chất thải này. Khi chất thải được xúc lên mỗi xe và rời đi, thì nhân viên hành chính của Công ty VMC ghi biển số xe vào mảnh giấy đưa cho lái xe và lái xe chuyển Giấy cho nhân viên bảo vệ tại Trạm bảo vệ số 2 mỗi lần qua cổng, căn cứ vào Giấy thu giữ xác định số chuyến và kích thước thùng xe để xác định khối lượng, qua đó Công ty VMC làm căn cứ thanh toán với Công ty Luân Thành Đạt. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, khi anh T điều khiển xe ô tô biển số 14C-061.49, anh H điều khiển xe ô tô biển số 14C-094.51 đang đổ thải thì bị Công an thành phố Cẩm Phả phát hiện, thu giữ toàn bộ số chất thải đã đổ thải ra môi trường cùng 02 xe ô tô trên. Ngoài ra, thu giữ của Công ty VMC 16 (mười sáu) tờ Giấy kích thước (07x11)cm ghi chép số chuyến xe vào Công ty VMC để thực hiện Hợp đồng 912.

Quá trình điều tra đã xác định được chất rắn dạng cát, gạch lẫn sơn màu xám đen thu giữ tại hiện trường và mẫu so sánh thu tại kho chất thải của Công ty VMC là tương tự nhau. Số lượng chất thải rắn đã đổ thải ra môi trường bị thu giữ có khối lượng 334,12 tấn (tương đương 334.120 kilôgam).

Tại Bản kết luận giám định số 5378/C09-P4 ngày 25/9/2020 và Công văn số 2144/C09-P4 ngày 20/10/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: “Mẫu vật gửi giám định là chất thải rắn công nghiệp thông thường”. Tại văn bản số

5968/UBND-TNMT ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Cẩm Phả, về việc xác định mục đích sử dụng đất tại khu vực Tổ 4, khu 1A, phường Quang H, thành phố Cẩm Phả, xác định “Tính đến thời điểm ngày 21/7/2020, Ủy ban nhân dân thành phố chưa thực hiện việc cấp phép hoạt động thu gom, tập kết, xử lý chất thải phát sinh tại khu vực trên”.

Về vật chứng: Căn cứ kết quả điều tra xác định 334.120 kilôgam chất thải rắn thông thường đã thu giữ của Công ty VMC nhưng chuyển giao không đúng đối tượng quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn liên quan nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả cho Công ty VMC và yêu cầu xử lý theo quy định của pháp luật về môi trường. Đối với 02 chiếc xe ô tô biển số 14C-061.49 và 14C-094.51, lãnh đạo Công ty không biết Hưng đã dùng vào việc đổ thải, nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho Công ty Phương Thảo.

Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa: Các bị đều khai nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu ở trên. Ngoài ra, bị cáo T còn khai thêm: Nếu vụ việc không bị cơ quan chức năng phát hiện, vào cuối ngày T sẽ trực tiếp hoặc cho người xác định số chuyến và đo kích thước thùng xe để tính khối lượng vận chuyển, làm căn cứ để trả tiền cho bị cáo M. Bị cáo H khai nhận thêm: khi H thông báo số hiệu các phương tiện cho M để làm thủ tục vào Công ty VMC thì H đọc qua điện thoại cho M ghi lại khoảng hơn 20 phương tiện, bị cáo H khẳng định chiếc xe ô tô tải biển kiểm soát 14C-110.75 H có thông báo để M làm thủ tục đăng ký vào bên trong Công ty VMC để vận chuyển chất thải. Việc bị cáo M và T sau đó làm các thủ tục đăng ký bằng văn bản cho các phương tiện này thì bị cáo H không nắm được. Các bị cáo còn khai nhận: Sau khi sự việc xảy ra và bị cơ quan chức năng phát hiện, xử lý, các bị cáo đã đề nghị Công ty Phương Thảo vận chuyển toàn bộ số chất thải từ vị trí các bị cáo đổ thải đến nơi bảo quản thuộc Công ty TNHH MTV Môi trường TKV để chờ xử lý nhằm hạn chế tối đa việc gây ô nhiễm môi trường. Chi phí để thu gom, vận chuyển 334.120 kilôgam này hết số tiền 40.094.400 đồng (bốn mươi triệu không trăm chín mươi tư nghìn bốn trăm đồng). Trong giai đoạn điều tra, các bị cáo H, M và T đã tự nguyện chi trả số tiền này cho Công ty Phương Thảo.

Quá trình điều tra và tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt gửi đến Tòa án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có lời khai thể hiện:

Đại diện công ty VMC, ông Phạm Minh T và ông Tăng Bá K khai nhận: qua sự môi giới của bị cáo T, ngày 06/4/2021, công ty VMC đã ký Hợp đồng số 912/HĐ-VMC2020 để thuê bốc xúc, vận chuyển, xử lý đất đá, cát phát sinh từ quá trình hoạt động của Công ty VMC. Khi ký hợp đồng, VMC không thẩm định năng lực của Công ty Luôn thành đạt nhưng nội dung của Hợp đồng có thỏa thuận trách nhiệm của Công ty Luôn Thành Đạt là “*Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình vận chuyển, bốc xúc, xử lý đất đá, cát từ Bên A. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật, địa phương về vệ sinh môi trường, bảo vệ môi trường*” nên Công ty VMC tin tưởng Công ty Luôn thành đạt sẽ tuân

thủ các quy định của pháp luật về môi trường khi thực hiện Hợp đồng 912. Sau khi được Cơ quan điều tra giao lại số vật chứng là chất thải rắn mà các bị cáo đã đổ thải ra môi trường, Công ty VMC đã ký hợp đồng với Công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng (địa chỉ: Thôn My S, xã Ngũ L, huyện Thủy N, thành phố Hải Phòng) để xử lý theo quy định. Công ty VMC không có yêu cầu hoặc đề nghị gì đối với các bị cáo.

Đại diện công ty Luôn Thành Đạt, ông Nguyễn Thanh B khai nhận: Do quen biết với T từ trước nên khi T nhờ ông B đại diện cho công ty Luôn Thành Đạt ký hợp đồng số 912/HĐ-VMC2020 để bốc xúc, vận chuyển, xử lý đất đá, cát phát sinh từ quá trình hoạt động của Công ty VMC thì được ông B đồng ý. Quá trình đàm phán, soạn thảo hợp đồng, thực hiện hợp đồng và thanh toán hợp đồng đều do T thực hiện. Công ty Luôn Thành Đạt chỉ giúp T ký hợp đồng do có tư cách pháp nhân chứ không tham gia vào bất kỳ khâu nào trong quá trình thực hiện Hợp đồng số 912, không hưởng lợi gì từ hợp đồng này.

Đại diện Công ty TNHH Phương Thảo, bà Nguyễn Thị H và ông T trình bày: Công ty TNHH Phương Thảo hoạt động trong lĩnh vực vận tải, có nhiều phương tiện để thực hiện công việc này. Trong đó, Nguyễn Thành H là nhân viên của Công ty và được giao trách nhiệm quản lý, điều hành đội xe và các phương tiện bốc xúc. Sau khi được M liên hệ để thuê phương tiện thực hiện Hợp đồng số 912/HĐ-VMC2020 để bốc xúc, vận chuyển, xử lý đất đá, cát phát sinh từ quá trình hoạt động của Công ty VMC thì H tự ý điều các xe tải và 01 máy xúc nêu trên đến thực hiện việc vận chuyển đất, đá, cát thải đem đổ thải tại các vị trí như nội dung vụ án đã nêu. H không thông báo hoặc xin ý kiến từ lãnh đạo Công ty. Sau khi vụ việc bị cơ quan chức năng phát hiện, xử lý các bị cáo đã đề nghị Công ty Phương Thảo vận chuyển toàn bộ số chất thải từ vị trí các bị cáo đổ thải đến nơi bảo quản thuộc Công ty TNHH MTV Môi trường TKV để chờ xử lý theo quy định. Chi phí để thu gom, vận chuyển 334.120 kilôgam này hết số tiền 40.094.400 đồng (bốn mươi triệu không trăm chín mươi tư nghìn bốn trăm đồng). Trong giai đoạn điều tra, các bị cáo H, M và T đã tự nguyện chỉ trả số tiền này cho Công ty TNHH Phương Thảo nên Công ty không có yêu cầu hoặc đề nghị gì đối với các bị cáo.

Đại diện Công ty TNHH MTV Môi trường TKV, bà Triệu Thị N khai nhận: Sau khi việc các bị cáo đổ thải ra môi trường và bị cơ quan chức năng phát hiện, xử lý. Chính Công ty đã tiếp nhận toàn bộ số vật chứng của vụ án để bảo quản trong quá trình cơ quan chức năng xử lý vụ việc. Quá trình bảo quản vật chứng của vụ án không phát sinh chi phí nên Công ty không có yêu cầu, đề nghị gì đối với các bị cáo và những cơ quan, đơn vị có liên quan khác.

Những người làm chứng còn lại đều có lời khai phù hợp với nội dung, diện biến vụ án như đã nêu ở trên.

Tại bản Cáo trạng số: 176/CT-VKSCP ngày 08 tháng 11 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố các bị can Nguyễn Thành H, Cao Xuân M và Nguyễn Thị T, về tội “Gây ô nhiễm môi trường” theo điểm d khoản 2 Điều 235 Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát giữ

quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 235, các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự:

- + Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành H từ 18 (mười tám) đến 21 (hai mươi một) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 (ba mươi sáu) đến 42 (bốn mươi hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- + Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 15 (mười lăm) đến 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 (ba mươi) đến 36 (ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- + Xử phạt bị cáo Cao Xuân M từ 15 (mười lăm) đến 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 (ba mươi) đến 36 (ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- + Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận bản cáo trạng truy tố về hành vi phạm tội là đúng người, đúng tội, không oan, không sai; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Những người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã gửi văn bản bào chữa cho bị cáo, thể hiện quan điểm: Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị T đã phạm tội “Gây ô nhiễm môi trường” theo điểm d khoản 2 Điều 235 của Bộ luật hình sự như nội dung bản cáo trạng truy tố. Tuy nhiên xem xét về hoàn cảnh, điều kiện phạm tội và nhân thân của bị cáo cho thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; quá trình điều tra và trong suốt quá trình tố tụng bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm: b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T và đề nghị áp dụng hình phạt dưới mức đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả. Tại phiên tòa, bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đến mức thấp nhất bởi vì xe ô tô tải biển số 14C-110.75 không nằm trong danh sách đăng ký phương tiện vận chuyển mà bị cáo T đã gửi cho Công ty VMC nên khối lượng chất thải do chiếc xe này đổ thải ra môi trường bị cáo không phải chịu trách nhiệm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Cẩm Phả, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu,

chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tổ tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh, bản kết luận giám định số 5378/C09-P4 ngày 25/9/2020 và Công văn số 2144/C09-P4 ngày 20/10/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Theo hợp đồng ký kết số lượng tạm tính là 800m³ nhưng thực tế các bị can mới đổ thải được 334.120 kilôgam, khối lượng còn lại chỉ là tạm tính, chưa có căn cứ xác định. Do vậy, chỉ có căn cứ xử lý các bị can về hành vi đổ thải 334.120kg chất thải rắn thông thường. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 21/7/2020, tại tổ 4, khu 1A, phường Quang H, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Thị T, Cao Xuân M và Nguyễn Thành H đã đổ 334.120 kilôgam chất thải rắn công nghiệp thông thường ra môi trường trái pháp luật. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả truy tố các bị cáo về tội “Gây ô nhiễm môi trường” theo điểm d khoản 2 Điều 235 Bộ luật hình sự là có cơ sở pháp luật.

[3] Điều 235 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

d) Chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường trái pháp luật chất thải rắn thông thường từ 200.000 kilôgam đến dưới 500.000 kilôgam;”

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến vấn đề an toàn, vệ sinh môi trường được pháp luật bảo vệ. Việc đổ, thải ra môi trường chất thải rắn công nghiệp thông thường của các bị cáo không những là tác nhân gây ô nhiễm môi trường, gây mất trật tự trị an tại địa phương mà còn là một trong những nguyên nhân gây tác động xấu đến môi trường sống và sức khỏe của người dân nên cần phải xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nhằm giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Xét tính chất của đồng phạm và vai trò phạm tội của các bị cáo trong vụ án thấy: Các bị cáo cùng cố ý thực hiện một tội phạm, nhưng không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ với nhau từ trước nên là đồng phạm giản đơn. Trong đó: Bị cáo H là người trực tiếp chỉ đạo, điều hành các phương tiện đổ thải chất thải rắn công nghiệp thông thường ra môi trường, thực hiện tội phạm một cách trực tiếp và tích cực nhất nên có vai trò cao nhất; bị cáo T là người thương lượng và chịu trách nhiệm trực tiếp thực hiện Hợp đồng 912 để xử lý chất thải của Công ty VMC nhưng

thiếu trách nhiệm trong việc giám sát, tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường, bỏ mặc hậu quả xảy ra nên có vai trò thứ hai; bị cáo M mặc dù không có năng lực vận chuyển, xử lý chất thải theo quy định nhưng vẫn thỏa thuận thực hiện công việc này với bị cáo T và sau đó đã thuê lại bị cáo H thực hiện việc vận chuyển, xử lý chất thải để hưởng lợi nên có vai trò sau cùng.

[6] Xét ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T và ý kiến của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Đối với việc bị cáo H điều động xe ô tô 14C-110.75 của Công ty Phương Thảo không có trong danh sách mà bị can T đăng ký với Công ty VMC. Quá trình điều tra xác định, anh Nguyễn Hữu H trực bảo vệ tại Trạm bảo vệ số 2 đã sơ xuất không đối chiếu biển số của phương tiện vào Công ty VMC để thực hiện Hợp đồng 912 với biển số của các phương tiện trong công văn mà bị cáo T đã đăng ý với Công ty VMC, nhưng xe 14C-110.75 chỉ thực hiện chở chất thải theo Hợp đồng 912 từ Công ty VMC đến vị trí đổ thải thuộc tổ 4, khu 1A, phường Quang H, thành phố Cẩm Phả. Mặt khác bị cáo T không giám sát các phương tiện vào vận chuyển chất thải mà chấp nhận sự điều động phương tiện của M và H nên bị cáo Th vẫn phải chịu trách nhiệm về khối lượng chất thải của xe 14C-110.75 đã vận chuyển để thực hiện Hợp đồng 912.

Việc đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 (phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn) và Điều 54 áp dụng hình phạt dưới mức đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, Hội đồng xét xử thấy: quá trình điều tra chưa có căn cứ xác định được mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra; còn những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác của bị cáo T đã được đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đầy đủ khi quyết định hình phạt. Do đó ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T và ý kiến của bị cáo tại phiên tòa không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo phạm tội đều không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã tích cực khắc phục hậu quả nên hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước.

[8] Về hình phạt:

[8.1] Về hình phạt chính: Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và việc phân hóa vai trò thực hiện tội phạm, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo đều có nhận thức pháp luật về môi trường còn hạn chế. Bị cáo T và bị cáo H đều có nhân thân tốt, bị cáo M mặc dù đã từng bị kết án nhưng đã được xóa án tích và trong vụ án này bị cáo M chỉ là đồng phạm thứ yếu. Các bị cáo đều phạm tội không có tình tiết tăng nặng, có

hiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú quản lý giáo dục các bị cáo với một thời gian thử thách phù hợp, điều đó cũng đáp ứng được mục đích của hình phạt.

[8.2] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 235, các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. Nhưng xét hoàn cảnh, điều kiện của các bị cáo đều không có việc làm, thu nhập ổn định. Trong vụ án này các bị cáo cũng chưa được hưởng lợi gì từ hành vi phạm tội, do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Việc chuyển giao và tiếp nhận, xử lý chất thải rắn thông thường của Công ty VMC và Công ty Luôn Thành Đạt đã vi phạm Nghị định số 38 ngày 24/4/2015, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 40 ngày 13/5/2019 của Chính Phủ (khoản 13, 14 Điều 3) nên Công an thành phố Cẩm Phả đã có công văn đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Cẩm Phả báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ra Quyết định xử phạt hành chính đối với 02 Công ty này (ngày 23 tháng 8 năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 450.000.000 đồng đối với Công ty Luôn thành đạt và Công ty VMC) là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Các bị cáo đã trả toàn bộ chi phí cho Công ty Phương Thảo để thu gom, vận chuyển 334.120 kilôgam chất thải rắn thông thường từ vị trí các bị cáo đổ thải đến nơi bảo quản thuộc kho chứa của Công ty TNHH MTV Môi trường TKV nên Công ty Phương Thảo không có yêu cầu hoặc đề nghị gì đối với các bị cáo; Công ty TNHH một thành viên Môi trường – TKV không có yêu cầu, đề nghị gì đối với các bị cáo và những cơ quan, đơn vị có liên quan khác đối với chi phí phát sinh trong quá trình bảo quản vật chứng của vụ án; Sau khi nhận lại toàn số vật chứng là 334.120 kilôgam chất thải rắn thông thường, Công ty VMC đã ký hợp đồng với doanh nghiệp có chức năng để xử lý theo quy định, Công ty VMC cũng không có yêu cầu hoặc đề nghị gì đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[11] Đối với ông Phạm Minh T với vai trò giám đốc Công ty VMC và ông Nguyễn Thanh B với vai trò giám đốc Công ty Luôn Thành Đạt, tuy không biết và không cùng các bị can đổ ra môi trường trái pháp luật chất thải rắn công nghiệp thông thường, nhưng thiếu trách nhiệm trong việc ký kết và chỉ đạo thực hiện hợp đồng. Tuy nhiên, căn cứ Công văn số 4720/TNMT-BVMT ngày 16/7/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh thì chất đổ thải nêu trên đã được thu hồi ngay nên việc đánh giá mức độ tác động môi trường, xác định hậu quả là không có căn cứ thực hiện. Do đó chưa đủ căn cứ để xử lý hình sự về hành vi thiếu

trách nhiệm của ông T và ông B, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả không truy tố, Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Đối với các anh Hoàng Đình V, Trương Văn T, Hoàng Văn H, Nông Văn H và Nguyễn Mạnh H điều khiển máy xúc và xe ô tô để xúc và vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường đổ ra môi trường nhưng họ thực hiện công việc hoàn toàn theo sự chỉ đạo, điều hành của bị cáo Nguyễn Thành H do đó chưa đủ căn cứ để xử lý đối với họ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Về vật chứng, tài sản bị thu giữ:

Toàn bộ số vật chứng đã thu giữ trong quá trình điều tra đã được trả lại cho chủ sở hữu và xử lý theo quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[14] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[15] Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: điểm d khoản 2 Điều 235, các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58, các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành H, Nguyễn Thị T và Cao Xuân M phạm tội “Gây ô nhiễm môi trường”

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành H 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Cao Xuân M 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thành H cho Ủy ban nhân dân phường Cẩm T, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân phường Hà T, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Cao Xuân M cho Ủy ban nhân dân phường Cẩm Thủy, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ vào: Điều 123, điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đang được áp dụng đối với các bị cáo.

3. Căn Căn cứ vào: khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số

326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Nguyễn Thành H, Nguyễn Thị T và Cao Xuân M mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Căn cứ vào: Các khoản 1, 4 Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Những người có QLNVLQ (bản sao);
- VKSND TP Cẩm Phả;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Cẩm Phả;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan THAHS Công an TP Cẩm Phả;
- THADS. TP Cẩm Phả;
- Lưu hồ sơ; Lưu TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quyền

